

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2019

*"V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Thập và ông Phạm Ngọc Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 18/4/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/ 01/ 2019, về việc: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST –HNGĐ ngày 09/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Chị P vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2019; bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 11/01/2011. Trong thời gian 02 năm vợ chồng chung sống nhưng không được hạnh phúc, nguyên nhân anh C thường xuyên ngược đãi, chửi bới, đánh đập, xúc phạm đến bản thân và gia đình chị, nhất là sau mỗi lần uống rượu anh C lại đánh đập hành hạ mẹ con chị vì thế nên tháng 5/2013 chị phải bế con về nhà đẻ ở. Quan hệ tình cảm vợ chồng chấm dứt từ đó đến nay. Ngày 23/10/2018 chị làm đơn xin ly hôn anh C, ngày 15/11/2018 chị xin rút đơn ly hôn, sau thời gian này vợ chồng vẫn sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 06/12/2011 hiện đang ở với chị P. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn C đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng đã nhiều lần Tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị P có đơn đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ, Tòa án đã về địa phương, gia đình nơi anh C sinh sống nhưng anh C cũng không hợp tác làm việc nên anh C không có bản tự khai, không có quan điểm gì gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Do vậy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt

nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Phạm Văn C.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 06/12/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn đã có bản tự khai trình bày quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung. Bị đơn đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án đến giải quyết vụ án nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hay uống rượu mỗi lần say sấn, anh C lại chửi bới, đánh đập, xúc phạm đến bản thân và gia đình chị, vì thế nên tháng 5/2013 chị P bế con về nhà đẻ ở, tháng 10/2018 chị P có đơn xin ly hôn anh C, sau đó chị xin rút đơn để có thêm thời gian cho vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không mang lại kết quả, kể từ ngày mẹ con chị về nhà đẻ ở, anh C cũng không quan tâm hỏi han gì đến mẹ con chị, vợ chồng vẫn sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác minh thân nhân của anh C và C quyền đoàn thể xã L nơi vợ chồng chị P và anh C đã từng chung sống sau khi kết hôn đến khi chị P về nhà đẻ ở thì thấy, nguyên

nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bản thân chị P nhiều khi có những lời nói không đúng mực với chồng và gia đình chồng, mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình khuyên ngăn hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ khi chị P cho con về nhà ở, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Từ những căn cứ trên cho thấy mục đích hôn nhân của vợ chồng giữa chị P và anh C không đạt được nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P xử cho chị được ly hôn anh C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh C có một con chung Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 06/12/2011 hiện đang ở với chị P, do cháu H đã trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, mặt khác cuộc sống của cháu đã ổn định từ khi bố mẹ sống ly thân đến nay. Sau khi ly hôn chị P có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mặt cho cháu H nên tiếp tục giao con chung cho chị P nuôi là phù hợp quy định tại các Điều Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn anh Phạm Văn C

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P được tiếp tục con chung Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 06/12/2011 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003561 ngày 25/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã L, huyện G.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến